

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐỒNG XOÀI
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

Bản án số 26/2023/DS-ST

Ngày 20 tháng 7 năm 2023

Về: “T/c mua bán hàng hóa”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG XOÀI

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Mỹ Dung

Các hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Văn Thành và ông Đào Xuân Nhi

Thư ký phiên tòa: ông Bùi Hoàng Long – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đồng Xoài.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đồng Xoài tham gia phiên tòa: bà Lê thị Huê - Kiểm sát viên

Ngày 20 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đồng Xoài mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 21/2023/TLST-DS ngày 15 tháng 02 năm 2023 về tranh chấp: “*Hợp đồng mua bán hàng hóa*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2023/QĐXX – ST ngày 15 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: ông **Phạm Đình Q**, sinh năm 1987; trú tại: số B, DT G, ấp B, xã T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước (có)

Bị đơn: ông **Nguyễn Chiến T**, sinh năm 1987; trú tại: khu D, Quốc lộ A, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước (có)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn ông Phạm Đình Q trình bày:

Tôi làm nghề buôn bán vật liệu xây dựng và mở cửa hàng là H kinh doanh Đại Minh T1

Vào năm 2020, ông Nguyễn Chiến T có đến cửa hàng của tôi để mua vật liệu xây dựng, do ông T nhận thầu xây dựng các công trình nên sau một thời gian mua bán hàng thì quen biết nhau, lúc này, ông T đã quen và mua hàng nhiều nên bắt đầu mua thiếu tiền hàng của tôi, về sau thì mua theo kiểu gói đầu – tức cứ mua đợt hàng sau thì thanh toán tiền cho đợt hàng trước.

Tuy nhiên, sau một thời gian tôi thấy ông T nợ tiền hàng ngày một nhiều lên, mỗi lần lấy hàng thì không trả tiền hàng còn thiếu nên đến ngày 09 tháng 02 năm 2021 tôi đã gặp trực tiếp ông T và làm bản kê chi tiết tiền hàng còn nợ đồng thời lập giấy xác nhận công nợ, ông T đã thống nhất và ký vào bản kê cùng giấy xác nhận công nợ ghi rõ số tiền hàng ông T còn nợ tôi là 136.328.000đồng - đã nộp bản phô cho Tòa án.

Cũng ngày 09/02/2021, ông T có hẹn tôi trong 07 ngày sẽ trả hết số tiền còn nợ cho tôi.

Song, cho đến nay mặc dù tôi đã rất nhiều lần gặp ông T để đòi số tiền trên nhưng ông T vẫn không trả, hiện đã chặn số và trốn không gặp tôi nữa. Do vậy, tôi khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông T phải trả cho tôi số tiền hàng còn nợ là 136.328.000đồng và tiền lãi -10%/năm - theo quy định của pháp luật.

Bị đơn – ông Nguyễn Chiến T - trình bày:

Tôi là người nhận thi công những công trình trang trí nội thất, công ty TNHH T3 là của tôi.

Còn Q thì tôi được biết là làm nghề buôn bán vật liệu xây dựng

Từ đó, vào khoảng năm 2020, trong lúc tôi đang thi công việc trang trí nội thất cho một công trình ở Đ thì biết Q do Q đến làm việc với chủ công trình.

Trong cả quá trình biết Q tôi không hề mua bán hàng hóa – cụ thể là vật liệu xây dựng gì với ông Q.

Đến gần tết âm lịch – tức khoảng tháng 02/2021 – thì Q đến tận nhà tôi ở số C, đường Q, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước tìm gặp tôi và thảo luận với tôi, nội dung như sau: Do công trình ở Đ đã hoàn thành mà chủ nhà chưa thanh toán tiền cho tôi và cho cả Q, vì vậy, Q đưa ra một bảng kê chi tiết phiếu giao hàng và căn cứ xác nhận công nợ cùng giấy xác nhận công nợ ghi ngày 09 tháng 02 năm 2021 và nói tôi ký vào với mục đích để lấy căn cứ gặp chủ công trình yêu cầu thanh toán khoản tiền mà chủ công trình còn nợ tôi và Q. Vì mong muốn cũng được lấy tiền nên tôi đã ký, ghi rõ họ tên tôi vào bảng kê chi tiết phiếu giao hàng và căn cứ xác nhận công nợ cùng giấy xác nhận công nợ ghi ngày 09 tháng 02 năm 2021, nhưng tôi không biết số hàng trên và ai là người ký nhận và gọi hàng, số lượng hàng hóa mà Q tôi không hề được biết. Sau khi tôi ký xác nhận vào thì Q giữ hết bản gốc sau đó chỉ gửi cho tôi bản phô tô.

Việc xác nhận vào công nợ của ông Q như trên là với trách nhiệm cá nhân của tôi, không liên gì đến công ty T3.

Sau khi xác nhận, tôi và cả Q cùng một số đơn vị thi công khác trong cùng công trình ở Đ gặp chủ công trình để yêu cầu trả tiền nhưng chủ công trình vẫn không trả, đồng thời cấm tất cả chúng tôi đến công trình ở Đ và cho người đánh đuổi tất cả chúng tôi ra khỏi nhà, nên tất cả chúng tôi đi về.

Đến khoảng tháng 7, tháng 8 năm 2022, Q kêu tôi và tôi cũng đồng ý cùng Q xây nhà để bán, trong khi đang làm đã xây được khoảng 2 đến 3 căn nhà (tôi chỉ nhớ ở phường T, thành phố Đ còn cụ thể vị trí thì tôi không xác định được) thì tôi gọi cho Q để ứng tiền làm tiếp thì Quốc ngưng không cho tôi ứng tiền nữa nhưng vẫn kêu tôi làm thì tôi ngưng không làm tiếp và yêu cầu Q phải trả tiền công trình cho tôi (khoảng từ 70 đến 80 triệu nhưng tôi không có giấy tờ), nhưng Q không trả.

Đến khoảng gần tết âm lịch năm 2023 thì Q cho người cầm giấy xác nhận công nợ ghi ngày 09 tháng 02 năm 2021 đến đòi tiền tôi nhưng tôi không trả, sau đó Q cho khoảng 7 – 8 người đến cửa hàng tôi đòi nợ và quấy phá. Tôi nói, tôi không nợ, Quốc

bán hàng cho ai thì đến đó mà đòi, bọn đòi nợ không chịu mà quay phim, chụp hình nên tôi đành nhờ đến pháp luật và tất cả được mời về phường.

Sau đó, Q khởi kiện ra Tòa. Nay tại Tòa, tôi không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của Q.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Xoài phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và nguyên đơn đã tuân thủ các quy định của thủ tục tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về nội dung vụ án: Căn cứ các Điều 116, 351, 357, 430, 434, 440 của Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 01/2003/NQ-HĐTP ngày 16 tháng 4 năm 2003 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Nghị quyết 326 của /2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và sử dụng án phí, lệ phí tòa án:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Đình Q. Buộc bị đơn ông Nguyễn Chiến T phải có trách nhiệm trả cho ông Q số tiền chưa thanh toán trong việc mua bán hàng hóa là 136.328.000đồng và tiền lãi chậm trả tính từ ngày 01/3/2021 đến ngày xét xử là 32.399.000đồng

Án phí dân sự sơ thẩm, quyền kháng cáo đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử sơ thẩm xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện ngày 09 tháng 12 năm 2022, cùng các tài liệu, chứng cứ đã thu thập và có trong hồ sơ vụ án thì nguyên đơn ông Phạm Đình Q khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn ông Nguyễn Chiến T phải trả số tiền mua hàng còn nợ là 136.328.000đồng và tiền lãi chậm trả - 10%/năm - theo quy định của pháp luật, do vậy, đây là vụ án về tranh chấp: “*hợp đồng mua bán hàng hóa*” theo khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Do bị đơn có nơi cư trú và hiện đang sống tại khu D, Quốc lộ A, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước, quá trình thực hiện việc mua bán giữa nguyên đơn và bị đơn đều diễn ra tại thành phố Đ, tỉnh Bình Phước. Do vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Xoài theo quy định khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn ông T phải hoàn trả số tiền mua vật liệu xây dựng còn nợ lại là 136.328.000đồng và tiền lãi chậm trả theo quy định của pháp luật. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, ông Q đã cung cấp cho Tòa án các chứng cứ là Giấy xác nhận công nợ ghi ngày 09 tháng

02 năm 2021 và Bảng chi tiết phiếu giao hàng và căn cứ xác nhận công nợ có đủ chữ ký, họ tên của ông Q và bị đơn ông Nguyễn Chiến T.

Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bị đơn ông T cho rằng ông không mua hàng của ông Q, do vậy ông không nợ ông Q số tiền 136.328.000đồng, tuy nhiên, tại phiên tòa ông T lại thừa nhận có quen biết với ông Q và đã từng gọi điện thoại đặt mua hàng vật liệu xây dựng của ông Q cũng như chữ ký, họ tên Nguyễn Chiến T trong cả Giấy xác nhận công nợ ghi ngày 09 tháng 02 năm 2021 và Bảng chi tiết phiếu giao hàng và căn cứ xác nhận công nợ là chính ông ký, viết vào; khi ký và viết ông T có đọc, biết rõ nội dung và hoàn toàn không bị lừa dối, ép buộc gì. Như vậy, có đủ căn cứ để xác định giữa ông Q và ông T đã có giao dịch về việc mua bán hàng hóa, đối tượng mua bán là vật liệu xây dựng, hình thức hợp đồng là thỏa thuận miệng, theo đó, bên bán – ông Q – đã giao hàng với số lượng, kích thước, chủng loại như bảng kê chi tiết giao hàng và căn cứ xác nhận công nợ giao hàng có người mua – ông T – xác nhận. Theo bảng kê chi tiết này, ông Q và ông T xác lập quan hệ mua bán kể từ trước, đến ngày 05 tháng 01 năm 2021 hai bên chốt công nợ cũ và ông T còn nợ lại số tiền 55.747.000đồng, sau đó, hai bên vẫn tiếp tục thực hiện hợp đồng mua bán với nhau cho đến ngày 01 tháng 02 năm 2021, trong quá trình thực hiện hợp đồng ông Q đã tiến hành giao hàng cho ông T ở nhiều địa điểm, nhiều chủng loại hàng khác nhau; ông T cũng có thanh toán tiền cho ông Q nhưng không hết, đến ngày 01 tháng 02 năm 2021 thì ông T và ông Q đã lập bảng kê chi tiết và cùng với số nợ cũ là 55.747.000đồng ông T đã ký xác nhận tổng số tiền hàng còn nợ ông Q tổng số tiền 136.328.400đồng. Theo bảng kê chi tiết này, ông T cũng đã ký giấy xác nhận công nợ ghi ngày 09 tháng 2 năm 2021, với số tiền còn nợ ông Q là 136.328.000đồng.

Ngoài ra, theo bản kê chi tiết phiếu giao hàng có ghi “hộ kinh doanh Đại Minh T1” - ở dòng trên cùng – và phía dưới dòng bảng kê chi tiết có ghi: “công ty TNHH T3”, song tại phiên tòa, cả ông Q và ông T1 đều xác nhận việc mua bán cũng như trong quá trình thực hiện hợp đồng cả hai đều thực hiện giao dịch với tư cách cá nhân, việc ghi tên hộ kinh doanh và công ty vào như trên là do ông Quốc t ghi vào (như đề ghi chú), song, khi ông T1 ký vào giấy xác nhận công nợ cũng chỉ ký với tư cách cá nhân, do vậy, giấy xác nhận công nợ, bản kê chi tiết đều không đóng mộc của hộ kinh doanh hay của công ty T3.

Tại phiên tòa, ông T1 còn có yêu cầu triệu tập người làm chứng là ông Nguyễn Duy T2, sinh năm 1977, số điện thoại 0977517176, Tòa án đã cho thư ký ghi biên bản phiên tòa liên lạc quan điện thoại theo số của ông T1 cung cấp nhưng người nghe điện thoại xác thực không phải là Nguyễn Duy T2, do vậy, không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu hoãn phiên tòa cũng như triệu tập người làm chứng của ông T1.

Từ những phân tích trên, hơn nữa trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, ông T1 không cung cấp được chứng cứ, tài liệu gì để chứng minh cho lời trình bày của mình, do vậy, không chấp nhận lời trình bày của ông T1 về việc ông không nợ ông Q số tiền 136.328.000đồng và chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Q, buộc ông T1 phải hoàn trả cho ông Q số tiền còn nợ trong hợp đồng mua bán hàng hóa là 136.328.000đồng .

[2.2] Về yêu cầu tính tiền lãi của nguyên đơn: Theo giấy xác nhận công nợ ngày 09 tháng 02 năm 2021, có ghi rõ thỏa thuận, ông T1 có trách nhiệm thanh toán số tiền 136.328.000đồng trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày ký – tức ngày 09/02/2021 -, quá thời hạn kể trên phải thanh toán thêm tiền lãi phát sinh là 10%/năm. Như vậy, theo thỏa thuận ông T1 phải có trách nhiệm trả cho ông Q số tiền hàng còn nợ là 136.328.000đồng đến hết ngày 16/02/2021, song đến hạn ông T1 vẫn không thanh toán, do vậy yêu cầu tính tiền lãi của nguyên đơn đối với số tiền 136.328.000đồng kể từ tháng 3 năm 2021 cho đến tháng 7/2023 là 28 tháng với mức lãi suất là 10%/năm – 0,83%/tháng - tức cho đến nay là có cơ sở nên được chấp nhận, cụ thể: $136.328.000\text{đồng} \times 28 \text{ tháng} \times 0,83\% = 31.682.500\text{đồng}$.

Như vậy, căn cứ vào các quy định tại các Điều 116, Điều 119, Điều 395, khoản 3 Điều 400, Điều 430 và Điều 357 của Bộ luật dân sự

Buộc ông T1 phải hoàn trả cho ông Q số tiền còn nợ trong hợp đồng mua bán hàng hóa là 136.328.000đồng + 31.682.500đồng tiền lãi = 168.010.500đồng (*một trăm sáu mươi tám không trăm mười ngàn năm trăm đồng*)

Ông T1 còn phải có trách nhiệm trả tiền lãi cho ông Q đối với số tiền gốc chưa trả theo mức lãi suất 010%/năm kể từ tháng 8 năm 2023 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ trên.

[3] Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Xoài về việc giải quyết vụ án là có căn cứ và phù hợp với các quy định của pháp luật tố tụng dân sự và pháp luật dân sự nên được chấp nhận

[4] *Về án phí, dân sự:*

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu tiền án phí. Bị đơn phải chịu tiền án phí theo quy định tại Điều 146 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

[5] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bởi các lẽ nêu trên:

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng:

Các Điều khoản 3 Điều 26; , khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 146; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều Điều 116, Điều 119, Điều 395, khoản 3 Điều 400, Điều 430 và Điều 357 của Bộ luật dân sự.

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Đình Q.

Tuyên xử: Ông Nguyễn Chiến T có trách nhiệm trả cho ông Phạm Đình Q số tiền còn nợ trong hợp đồng mua bán hàng hóa là 136.328.000đồng + 31.682.500đồng tiền lãi = 168.010.500đồng (*một trăm sáu mươi tám không trăm mười ngàn năm trăm đồng*)

Kể từ tháng 8 năm 2023, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất là 10%/năm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

2. *Án phí dân sự sơ thẩm:*

Bị đơn ông Nguyễn Chiến T phải chịu khoản tiền án phí là 8.400.000đồng (*tám triệu bốn trăm ngàn đồng*)

Hoàn trả cho nguyên đơn ông Phạm Đình Q khoản tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.000.000đồng (*Bốn triệu đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004753 ngày 13 tháng 02 năm 2023 của Chi cục thi hành án thành phố Đ, tỉnh Bình Phước.

3. *Quyền kháng cáo:*

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- *Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước;*
- *VKSND thị xã Đồng Xoài;*
- *Chi cục THADS thị xã Đồng Xoài;*
- *Sở Tư pháp tỉnh Bình Phước.*
- *Người tham gia tố tụng;*
- *Lưu HS-VP*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Phan Thị Mỹ Dung